

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

BÙI XUÂN HOÁ

**TRIẾT HỌC LỊCH SỬ CỦA A.TOYNBEE
TRONG TÁC PHẨM “NGHIÊN CỨU VỀ LỊCH SỬ”**

Ngành: Triết học

Mã số : 92 29 001

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. Mai Đức Ngọc

TS. Trịnh Minh Thái

HÀ NỘI - 2023

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

***Người hướng dẫn khoa học:* PGS, TS. Mai Đức Ngọc
TS. Trịnh Minh Thái**

Phản biện 1: PGS, TS. Đỗ Minh Hợp

Phản biện 2: PGS, TS. Nguyễn Anh Tuấn

Phản biện 3: PGS, TS. Nguyễn Đình Tường

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền ngày 18/01/2024

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn lựa đề tài

Hiện nay, những sự kiện lịch sử xã hội hiện đại đang diễn ra rất phức tạp, do vậy nhiệm vụ xác định phương hướng và mục đích vận động lịch sử tiếp theo của xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cấp bách cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đảng ta xác định rất rõ và đúng đắn chiến lược phát triển xã hội của chúng ta là thực hiện công cuộc hiện đại hóa nhằm mục tiêu xây dựng đất nước ta trở thành một xã hội văn minh. Mục đích này cho thấy vận động lịch sử của xã hội ta đang đi từ xã hội “chưa văn minh” hay “ít văn minh” lên xã hội văn minh. Song, cũng chính mục đích này cũng đặt ra vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách luận giải con đường đi lên xã hội văn minh. Đến lượt mình, câu trả lời cho câu hỏi này lại đòi hỏi xác định rõ nội hàm của khái niệm “văn minh” để xuất phát từ đó, chúng ta có thể xác định những nhiệm vụ cụ thể của cuộc vận động lịch sử xã hội tiến lên xã hội văn minh. Tất cả những điều nói trên gợi mở cho chúng ta một nhãn quan triết học mới về lịch sử - cách tiếp cận văn minh với lịch sử.

Thế giới hiện đại đang trải qua những biến đổi sâu sắc và toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống của xã hội, do vậy nhận thức về nó, về các xu hướng vận động tiếp theo của nó, về tương lai của nhân loại và dựa trên cơ sở đó, hoạch định chiến lược phát triển thích hợp nhằm bảo tồn sự sống và sự phát triển thịnh vượng cho nền văn minh nhân loại, làm nảy sinh nhu cầu cấp bách phát triển tư duy triết học lịch sử. Triết học lịch sử Kitô giáo được Augustino xây dựng vào đúng một trong những thời điểm đen tối của lịch sử toàn cầu - sụp đổ của thế giới Cổ đại và suy tàn của Đế chế Rome. Quan niệm độc đáo về lịch sử ở thời kỳ tiền Kitô giáo được trình bày trong cuốn sách của nhà tiên tri Daniel cũng gắn liền với những sự kiện hiểm nghèo đe dọa sự tồn vong của dân tộc Do Thái. Sau Cách mạng Tư sản Pháp vĩ đại, sau các cuộc chiến tranh xâm chiếm châu Âu của Napoleon, tư tưởng loài người cũng đã hướng vào các quan niệm triết học lịch sử, cố gắng nhận thức và xem xét tiến trình lịch sử theo cách mới, khác xưa. Tư tưởng triết học lịch sử cũng đóng vai trò quan trọng trong thế giới quan của J.de Mestre và Bonald. Thế giới ngày nay đang sống trong thời đại có những bước ngoặt lịch sử to lớn. Thậm chí có thể nói, một thời đại lịch sử mới đã bắt đầu. Tốc độ phát triển lịch sử đang thay đổi căn bản, bất thường đến khó lường. Nhiều người đã cảm nhận được sự vận động mạnh mẽ, gay gắt quá nhịp điệu bình thường của lịch sử, cảm tưởng như “một ngày bằng 20 năm”. Cảm giác mãnh liệt này đặc biệt quan trọng để tư duy và ý thức con người quan tâm xét lại các vấn đề và nội dung cơ bản của triết học lịch sử, nỗ lực xây dựng triết học lịch sử phù hợp với hoàn cảnh sinh tồn mới.

Hòa cùng bước tiến tư tưởng của thời đại, dựa chắc trên di sản triết học lịch sử của nhân loại, chúng ta cũng cần hình thành tư duy triết học lịch sử toàn diện và sâu sắc như tiền đề lý luận tiên quyết và phương tiện để xây dựng chủ thuyết phát triển dân tộc riêng của mình. Tư duy lý luận như vậy đòi hỏi phải nghiên cứu lịch sử triết học nhân loại như sự kết tinh lịch sử hiện thực của loài người bằng tư tưởng. Ở khía cạnh này, cách tiếp cận văn minh được A.Toynbee hình thành, phát triển và áp dụng trong nghiên cứu lịch sử hiện đại trên phương diện triết học và nó đã gây tiếng vang lớn trong giới triết học phương Tây ở những thập niên giữa và sau thế kỷ XX. Nó đánh dấu một trang chói lọi trong cuốn sách lịch sử tư tưởng triết học, vẫn bao hàm nhiều tư tưởng có giá trị chúng ta có thể khai thác để hình thành tư duy triết học lịch sử.

Việt Nam đang thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiếp biến văn hóa toàn nhân loại. Trong bối cảnh như vậy, chúng ta cần phải hội nhập với thế giới, tiếp thu có sàng lọc những giá trị chung của nhân loại. Điều kiện cần thiết để thực hiện thành công hội nhập là nghiên cứu những cơ sở nền tảng của các nền văn minh đã được phản ánh cô đọng, khái quát trong các hệ thống triết học tương ứng. Có thể nói, triết học lịch sử của A.Toynbee là sự phản ánh, sự phản tư, sự khái quát bằng tư tưởng thời đại văn minh công nghiệp phát triển ở phương Tây, nó phôi bày tất cả những mặt tích cực, cũng như tiêu cực của nền văn minh này. Trong khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội, chúng ta tiếp thu những thành tựu, những mặt mạnh của nền văn minh công nghiệp và tránh không lặp lại những mặt tiêu cực của nó. Và, đây chính là một lý do quan trọng đòi hỏi chúng ta nghiên cứu triết học lịch sử của A.Toynbee một cách sâu sắc và toàn diện.

Quan niệm duy vật về lịch sử (cùng với học thuyết về giá trị thặng dư) là một trong hai khám phá khoa học vĩ đại của Mác, cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị của mình. Chúng ta đang sống trong thế giới hiện đại đầy những biến đổi sâu sắc, cho nên việc vận dụng sáng tạo học thuyết Mác nói chung và quan niệm duy vật lịch sử của ông nói riêng để nắm bắt chính xác logic vận động khách quan của tiến trình lịch sử có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng: chính nhận thức khoa học này sẽ trở thành kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn sáng tạo, cho phép tránh những thói quen của tư duy giáo điều, chủ quan duy ý chí. Số phận của học thuyết Mác trong thế giới hiện tại và tương lai của nó phụ thuộc đáng kể vào nhận thức đúng đắn của chúng ta về học thuyết này nói chung và hạt nhân của nó là quan niệm duy vật về lịch sử nói riêng. Tuy nhiên, một mặt, từ khi mới ra đời cho tới nay, học thuyết Mác đã luôn là đối tượng phê phán, đặc biệt là nhân sự thoái trào của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu vào thập niên 90 thế kỷ XX, kẻ thù tư tưởng của chủ nghĩa xã hội lại càng tấn

công dữ dội vào học thuyết Mác, đặc biệt vào hạt nhân tư tưởng của nó - quan niệm duy vật về lịch sử. Họ cố tình bỏ qua cuộc cách mạng mang tính vạch thời đại mà Mác thực hiện chính trong lĩnh vực triết học lịch sử, qua đó kết tội học thuyết Mác là nguyên nhân của những tai họa lịch sử của nhân loại suốt gần thế kỷ vừa qua. Mặt khác, bản thân triết học lịch sử của Mác cũng không phải là chân lý tối hậu, cần được phát triển dựa trên chính hiện thực lịch sử xã hội không ngừng vận động và phát triển. Điều này đòi hỏi phải tiếp thu có phê phán, sàng lọc những thành tựu trong lĩnh vực triết học lịch sử hiện đại. Hơn nữa là chính triết học lịch sử mác xít lại cho thấy những biểu hiện nguy hiểm của sự giáo điều hóa, chủ quan hóa, duy ý chí hóa, tự khép kín và ngạo mạn. Đã đến lúc cần phải khắc phục tất cả những hạn chế đó để phát triển và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác nói chung và quan niệm duy vật về lịch sử nói riêng. Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra nhiệm vụ: “Đối với những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiếp tục mở rộng và đi sâu nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng và tiếp thu những giá trị tiến bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội”.

Từ những lý do nêu trên, tôi quyết định lựa chọn vấn đề ***Triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích

Trình bày một cách có hệ thống và phân tích triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”, từ đó chỉ ra những đóng góp và giới hạn của nó.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan những tài liệu nghiên cứu có liên quan đến tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”.

- Làm sáng tỏ những điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa và các tiền đề tư tưởng, cũng như nhân tố chủ quan cho sự hình thành và phát triển triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”.

- Khảo cứu và làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong triết học lịch sử của A.Toynbee được ông trình bày trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”.

- Phân tích những đóng góp và hạn chế trong triết học lịch sử của A.Toynbee.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee.

3.2. Phạm vi

Luận án tập trung làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee được ông trình bày trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử” - tác phẩm nổi tiếng nhất của A.Toynbee. Ngoài ra, luận án còn đề cập tới tư tưởng triết học lịch sử trong một số tác phẩm khác của ông có liên quan trực tiếp đến tác phẩm này.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm mácxít trong nghiên cứu lịch sử triết học.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu của phép biện chứng duy vật như: đi từ trừu tượng đến cụ thể, thống nhất lịch sử - lôgic, thống nhất phân tích và tổng hợp, thống nhất quy nạp và diễn dịch, phương pháp so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, văn bản học...

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án phân tích, làm rõ được các điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa, các tiền đề lý luận cơ bản cho sự hình thành và phát triển triết học lịch sử của A.Toynbee.

- Luận án phân tích một cách có hệ thống và toàn diện những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee được ông trình bày trong tác phẩm “Nghiên cứu lịch sử”.

- Luận án phân tích, làm rõ những đóng góp và những giới hạn trong triết học lịch sử của A.Toynbee từ lập trường triết học lịch sử mácxít.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Dựa trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện và có phê phán triết học lịch sử của A.Toynbee, luận án làm sáng tỏ thực chất của cách tiếp cận văn minh với lịch sử, những ưu điểm và hạn chế của nó, khẳng định chân giá trị của quan niệm duy vật về lịch sử như cơ sở của cách tiếp cận hình thái với lịch sử.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy triết học phương Tây nói chung, triết học A.Toynbee và chuyên đề về triết học lịch sử phương Tây hiện đại nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và danh mục các công trình của tác giả liên quan đến luận án đã được công bố, luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến các điều kiện kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội, cũng như các tiền đề lý luận cho sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”

Các nhà triết học Mác xít đã cố gắng vạch ra các cội nguồn giai cấp xã hội của tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee. Theo họ, lập trường của A.Toynbee chủ yếu là lập trường của nhà tư tưởng theo chủ nghĩa tự do tư sản trong bối cảnh tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Cụ thể, bên cạnh những vấn đề lịch sử của xã hội tư sản hiện đại và những vấn đề toàn cầu của nhân loại, A.Toynbee thể hiện là người biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, là người chống cộng công khai và là tri thức tiêu tư sản.

Theo nhận định của các học giả nước ngoài, chính cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã tạo ra bước ngoặt trong thế giới quan triết học lịch sử của A.Toynbee: cụ thể là cuộc thăm sát ở Armenia, ông viết cả một cuốn sách và xuất bản nó vào năm 1915; Một sự kiện lịch sử khác có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình hình thành tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee là chiến tranh Hy Lạp - Thổ Nhĩ Kỳ (1921-1922). Bên cạnh đó, sự khủng hoảng của văn hóa duy lý, hình thức cực đoan của nó - văn hóa duy khoa học, cũng được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá như nhân tố có tác động mạnh mẽ đến tư duy triết học lịch sử của A.Toynbee.

Về các tiền đề lý luận cho sự hình thành tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee, đại đa số các nhà nghiên cứu Mác xít đều nhất trí với nhau rằng, các nguồn gốc nhận thức luận của triết học lịch sử duy tâm và hữu thần của A.Toynbee là tuyệt đối hóa tính lặp lại và tính gián đoạn.

1.2. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến các nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”

Hàng loạt nhà nghiên cứu vạch ra tính chất hữu thần luận xuyên suốt tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử” của A.Toynbee. Theo các nhà nghiên cứu, chính định hướng hữu thần này đã làm cho A.Toynbee có thái độ đặc biệt đối với phương pháp khoa học trong sử học.

Trong tác phẩm của mình, các nhà triết học Mác xít cố gắng làm sáng tỏ các cội nguồn nhận thức luận của triết học lịch sử duy tâm và hữu thần của

A.Toynbee, triết học đã tuyệt đối hóa tính lặp lại và tính gián đoạn lịch sử, chỉ ra mối liên hệ giữa lý luận chu kỳ của ông với tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nghiên cứu các nguồn gốc lý luận và vị trí của nó trong triết học lịch sử phương Tây hiện đại. Các tác giả cũng nhấn mạnh rằng, tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử” của A.Toynbee “chứa đựng một khối lượng dữ liệu thực tế khổng lồ và đặt ra nhiều vấn đề căn bản và cấp bách của lịch sử hiện đại”

1.3. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến đánh giá tư tưởng triết học lịch sử của A.Toynbee

Triết học lịch sử của A.Toynbee được các nhà nghiên cứu nước ngoài đánh giá theo các cách rất khác nhau. Ông lúc thì được coi là kẻ thù điên cuồng của tư tưởng về tiến bộ lịch sử, lúc thì là người ủng hộ nhiệt tình nó, lúc thì là kẻ chống cộng điển hình, lúc thì là tư tưởng gia cánh tả. Nguyên nhân của những đánh giá trái ngược như vậy không hẳn là tính chủ quan của các nhà nghiên cứu, mà chủ yếu là tính thường biến của các quan điểm của A.Toynbee.

Ngoài ra, tác giả còn nêu bật vai trò đáng kể của việc phát hiện ra và phổ biến vô số dữ liệu lịch sử mới, kể cả việc phát hiện ra các nền văn minh chưa từng biết đến, cũng như là những khái quát lịch sử xã hội mới.

1.4. Khái quát giá trị của các công trình được tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Qua tổng quan tài liệu nghiên cứu về triết học lịch sử được A.Toynbee trình bày trong tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử”, chúng ta có thể khẳng định, triết học lịch sử của ông đã được đề cập đến ở một số nội dung quan trọng. Tất cả các nhà nghiên cứu đều nhất trí với nhau ở một điểm rằng, A.Toynbee là nhà tư tưởng rất độc đáo, có công đặt ra và giải quyết, tất nhiên là theo cách của ông, nhiều vấn đề cấp bách của lịch sử loài người hiện đại. Triết học lịch sử của A.Toynbee ra đời chính trong điều kiện khủng hoảng của nền văn minh công nghiệp và hình thành một loài người đầy mâu thuẫn, xung đột, song cũng dần dần thống nhất dựa trên những giá trị tinh thần chung. Tuy nhiên, hoàn cảnh ra đời của triết học lịch sử của A.Toynbee mới được mô tả nhân trình bày tiểu sử của ông, mà chưa được phân tích thấu đáo như quan niệm duy vật về lịch sử đòi hỏi trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng.

Các tác giả nhấn mạnh rằng, điểm độc đáo trong triết học lịch sử của A.Toynbee là việc ông lựa chọn “văn minh” làm “tế bào” cho lược đồ phân tích lịch sử toàn cầu. Toàn bộ nội dung của triết học lịch sử của A.Toynbee xoay quanh những vấn đề có liên quan đến nguồn gốc ra đời, cơ chế phát

triển, nguyên nhân suy tàn và tiêu vong của “văn minh”, sự tương tác giữa các văn minh và tương lai của văn minh. Đây là một cách tiếp cận nhận được tên gọi là “cách tiếp cận văn minh” cùng với tất cả những ưu điểm và hạn chế mang tính nguyên tắc của nó. Việc nhận thức sâu sắc về cách tiếp cận này đòi hỏi phải làm rõ nội hàm của khái niệm “văn minh” và đặc thù của cách tiếp cận văn minh trong sự so sánh với cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội có cơ sở của mình là quan niệm duy vật về lịch sử. Trong luận án của mình, NCS sẽ giải quyết vấn đề lý luận quan trọng này.

Từ tổng quan và đánh giá như vậy, NCS đặt ra cho mình nhiệm vụ giải quyết những vấn đề còn bỏ ngỏ sau đây:

Thứ nhất, là chỉ ra và phân tích những điều kiện lịch sử xã hội ở nửa đầu thế kỷ XX như nhân tố có ảnh hưởng mang tính quyết định đến quá trình hình thành và phát triển quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee.

Thứ hai, là tái hiện và phân tích quan niệm của A.Toynbee về văn minh và đưa ra đánh giá về quan niệm ấy dựa trên lý luận triết học về văn minh và cách tiếp cận văn minh.

Thứ ba, là trình bày một cách có hệ thống và nhất quán quan niệm của A.Toynbee về biến động của văn minh từ khi ra đời cho đến khi tiêu vong, các nhân tố quy định biến động ấy và đánh giá nó dựa trên quan niệm duy vật về lịch sử.

Thứ tư, là phân tích và đánh giá quan niệm của A.Toynbee về số phận tương lai của nền văn minh nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tiểu kết chương 1

Như vậy, thông qua việc phân tích hệ thống những công trình nghiên cứu liên quan đến điều kiện, tiền đề tư tưởng cho sự ra đời tư tưởng về triết học lịch sử của A.Toynbee có thể nhận thấy các nhà nghiên cứu trước hết chỉ ra những biến đổi to lớn diễn ra trong đời sống các nước phương Tây trong bối cảnh tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Trong suốt chiều dài phần lớn thế kỷ XX và 2 thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới đã đang có những thay đổi sâu sắc; cách mạng đến rồi lại đi, chế độ xã hội cũ phục hồi quyền lực. Theo họ, chính những biến đổi đó có tác động to lớn đến diễn biến của tư tưởng phương Tây nói chung, và đặc biệt ảnh hưởng đến A. Toynbee - một sử gia, triết gia nổi tiếng người Anh đã sống và sáng tác đến ¾ thế kỷ XX. Bởi thế, những biến đổi kinh tế - xã hội và chính trị ấy tất yếu sẽ kéo theo những biến đổi trong quan điểm về lịch sử, về cách tiếp cận “văn minh” của A.Toynbee.

CHƯƠNG 2

NHỮNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI, CHÍNH TRỊ VÀ VĂN HÓA, CÁC TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG VÀ NHÂN TỐ CHỦ QUAN CHO SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC LỊCH SỬ CỦA A.TOYNBEE

2.1. Những điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa cho sự hình thành và phát triển triết học lịch sử của A.Toynbee

Chủ nghĩa Tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền làm xuất hiện những mâu thuẫn gay gắt giữa các nhà tư bản độc quyền với nhau và với các nước đang phát triển và kém phát triển. Đến lượt mình, điều này lại dẫn tới hai cuộc chiến tranh thế giới, cùng với vô số chiến tranh giải phóng dân tộc, chống lại chủ nghĩa thuộc địa. Hơn ai hết, A.Toynbee đã trải qua về hiện tượng khủng khiếp này và nỗ lực đấu tranh cho hòa bình.

Một sự kiện lịch sử khác có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình hình thành quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee là quá trình quốc tế hóa diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. A.Toynbee bảo vệ lập trường của chủ nghĩa hòa bình như định hướng thế giới quan và phong trào phù hợp với nó, bác bỏ bất kỳ chiến tranh nào với tư cách phương tiện giải quyết những vấn đề tranh chấp.

2.2. Tiền đề lý luận cho sự hình thành và phát triển triết học lịch sử của A.Toynbee

Về mặt phương pháp luận, A.Toynbee đã dựa vào hàng loạt tư tưởng triết học của các nhà triết học tiền bối. Trong triết học lịch sử, A.Toynbee nối tiếp quan điểm của trường phái Kant mới ở Baden về tư duy cá thể hóa trong sử học, phủ định quy luật lịch sử và tiên tri về tương lai theo tinh thần của K.Popper.

Về mặt nội dung, A.Toynbee đã tiếp thu nhiều tiền đề cơ bản trong lý luận chu kỳ của O.Spengler. Bên cạnh lý luận triết học lịch sử về văn minh của O.Spengler, A.Toynbee còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ phái lý luận chu kỳ về văn minh của N.Ya.Danilepsky.

Đồng thời, triết học phi duy lý (thuyết trực giác) của H.Bergson tác động rất sâu rộng đến A.Toynbee. Triết học lịch sử tôn giáo từ Augustino đến Niebur và Martaine cũng có ảnh hưởng đáng kể đến A.Toynbee.

Học thuyết của C.Jung về các cổ mẫu của tiềm thức có ảnh hưởng rất lớn đến quan điểm của A.Toynbee về “Các quy luật của Tâm thần Vô thức”, tức là đến luận giải của A.Toynbee về các quy luật của tự nhiên theo tinh thần duy tâm chủ quan, tâm lý hóa chúng.

Luận giải phát triển của xã hội thông qua tác động của cơ chế “Thách thức - ứng phó”, A.Toynbee đã chịu tác động từ phía tư tưởng của H.Bergson về “khí thế sống” thể hiện qua hoạt động của “thieu số sáng tạo”.

2.3. Điều kiện chủ quan cho sự hình thành và phát triển triết học lịch sử của A.Toynbee

Arnold Jasep Toynbee sinh ngày 14 tháng 04 năm 1889 tại London, mất ngày 22 tháng 10 năm 1975 tại Yord ở độ tuổi 86, xuất thân từ một gia đình trí thức theo chủ nghĩa tự do. Các truyền thống tôn giáo và nhân văn tự do tồn tại trong dòng họ A.Toynbee, có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình hình thành A.Toynbee như một con người và nhà tư tưởng.

A.Toynbee trải qua những năm tháng sinh viên tại Cao đẳng Balliol ở Oxford. Tại đây, ông trước hết nghiên cứu lịch sử cổ đại. Vào năm 1911, ông tốt nghiệp cao đẳng. Sau một thời gian, ông học tập tại Học viện khảo cổ học Bristan ở Athen. Từ năm 1912, A.Toynbee trở thành giảng viên lịch sử cổ đại và ngôn ngữ học tại Cao đẳng Balliol. Việc nghiên cứu lịch sử cổ đại đã có ảnh hưởng rất lớn đến quan điểm triết học lịch sử đang hình thành ở A.Toynbee. Chính văn minh Hy La trở thành mô hình xuất phát để ông xây dựng quan điểm triết học lịch sử của mình.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã cắt đứt quá trình A.Toynbee nghiên cứu lịch sử cổ đại. Ông không ra mặt trận vì lý do sức khỏe, từ năm 1915, ông làm việc tại Cục Thông tin, Bộ Ngoại giao Anh với tư cách cố vấn khoa học về những vấn đề lịch sử, chính trị và dân số của Cận Đông. Vào năm 1919, A.Toynbee tham gia vào hiệp định hòa bình ở Paris.

Từ năm 1925 đến năm 1956, A.Toynbee là giáo sư - nhà nghiên cứu về lịch sử quốc tế tại Học viện Kinh tế London. Vào năm 1956, A.Toynbee về nghỉ hưu do hết tuổi làm việc, song ông vẫn tiếp tục tích cực hoạt động sáng tạo khoa học và chính luận cho tới những năm tháng cuối đời.

Sự nghiệp sáng tạo khoa học và chính luận của A.Toynbee kéo dài từ giai đoạn chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến giữa những năm 1970, tức

là gần 60 năm của một thế kỷ đầy bão tố. Những vấn đề ông nghiên cứu, xét về mặt lịch đại, bao gồm giai đoạn từ xã hội nguyên thủy cho tới thời hiện đại và loài người tương lai được dự báo, xét về mặt đương đại - tất cả những vấn đề lịch sử, chính trị, xã hội, tư tưởng cấp bách nhất của loài người hiện đại. Tất cả những vấn đề đa dạng ấy được phản ánh trong gần 30 tác phẩm độc đáo của ông (tác phẩm chính là “Nghiên cứu về lịch sử” gồm 12 quyển, được xuất bản tuần tự từ năm 1934 đến năm 1961, tức là trong suốt 27 năm) và hàng trăm bài báo khoa học và bài phát biểu, kể cả những bài giảng, những bài trả lời phỏng vấn, các cuộc đàm thoại...

Tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử” là tác phẩm chính của A.Toynbee, gồm 12 quyển, được xuất bản tuần tự từ năm 1934 đến năm 1961, tức là trong suốt 27 năm. Trong tác phẩm này, tác giả của nó đã tiến hành tổng hợp và so sánh các nền văn minh, qua đó ông đưa ra một quan điểm độc đáo của mình về triết học lịch sử. Trong tác phẩm của mình, A.Toynbee cố gắng phát hiện ra các quy luật ra đời, hưng thịnh, suy tàn và tiêu vong của các nền văn minh, tức là hình thành một quan điểm triết học lịch sử xác định. Trong vấn đề này, A.Toynbee lên tiếng chống lại cả quan điểm thần học về lịch sử, cả quan điểm triết học duy lý về lịch sử. Ông cố gắng xây dựng triết học lịch sử dựa trên quan điểm “cá nhân sáng tạo”, tức là đề cao nhân tố văn hóa, đặc biệt là văn hóa tôn giáo.

Tiểu kết chương 2

Tổng kết bối cảnh lịch sử xã hội, tiền đề lý luận và nhân tố chủ quan cho ra đời quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee, dựa trên quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác, chúng ta cần nhấn mạnh các điều kiện lịch sử khách quan và dấu ấn của chúng để lại ở cuộc đời của A.Toynbee. Đó là những sự kiện liên quan với hai cuộc chiến tranh thế giới, với “chiến tranh lạnh”, vô số xung đột quân sự khu vực, nội chiến mà, xét đến cùng đều bắt nguồn từ xung đột về lợi ích kinh tế của các đế quốc gây chiến và những hậu quả tàn khốc của chúng. Toàn bộ sự nghiệp sáng tạo, đặc biệt là tác phẩm “Nghiên cứu về lịch sử” của A.Toynbee, đều hướng tới một mục đích chung là tạo dựng hòa bình cho nhân loại, cho các dân tộc. Trong bối cảnh tăng cường bành trướng, “đế quốc hóa” thế giới và từ đó là khả năng bùng nổ của chiến tranh, xung đột quân sự trong thế giới hậu chiến, chính

các “văn minh khu vực”, bản chất và các quy luật xuất hiện, tồn tại, phát triển và tiêu vong, những đặc thù của chúng đã được A.Toynbee nghiên cứu để luận chứng cho quyền tồn tại bình đẳng của chúng, cho khả năng và sự cần thiết hợp tác bình đẳng giữa chúng.

Để thực hiện mục đích này, về mặt phương pháp luận, A.Toynbee đã dựa vào hàng loạt tư tưởng triết học của các nhà triết học tiền bối. Trong triết học lịch sử, A.Toynbee nối tiếp quan điểm của trường phái Kant mới ở Baden về tư duy cá thể hóa trong sử học, phủ định quy luật lịch sử và tiên tri về tương lai theo tinh thần của K.Popper.

Về mặt nội dung, A.Toynbee đã tiếp thu nhiều tiền đề cơ bản trong lý luận chu kỳ của O.Spengler về các văn minh khu vực (như tư tưởng phân chia lịch sử ra thành các đơn vị “khu vực” và các giai đoạn cơ bản của “chu kỳ sống” lặp lại từ muôn đời). Cùng với đó, ông cũng tiếp thu lý luận chu kỳ của N.Ya.Danilepsky về văn minh (tư tưởng về sự tồn tại của vô số văn minh với tính cách cái biểu thị thiên tài sáng tạo vô cùng phong phú của loài người; mỗi văn minh đều xuất hiện, phát triển các hình thức sống đặc biệt, ngôn ngữ, các cách thức giao tiếp, lao động, các hình thức sinh hoạt, những giá trị đạo đức và tinh thần, sau đó lại tiêu vong cùng với chúng). Thuyết trực giác của H.Bergson, triết học lịch sử tôn giáo trước hết tập trung chú ý vào bản thể luận, vào “mục đích của lịch sử”, đã tác động rất sâu rộng đến A.Toynbee. Học thuyết của C.Jung về các cổ mẫu của tiềm thức có ảnh hưởng rất lớn đến luận giải của A.Toynbee về các quy luật của tự nhiên theo tinh thần duy tâm chủ quan, tâm lý hóa chúng. Đặc biệt là khi luận giải phát triển của xã hội thông qua tác động của cơ chế “Thách thức - ứng phó”, A.Toynbee đã chịu tác động từ phía tư tưởng của H.Bergson về “khí thế sống” thể hiện qua hoạt động của “thiểu số sáng tạo”. Tư tưởng “khí thế sống” của Bergson còn có ảnh hưởng đáng kể đến quan điểm “giáo hội toàn cầu” của A.Toynbee, theo đó thì khi bị lâm vào tình trạng bế tắc một cách hợp quy luật, lịch sử văn minh sẽ mở ra con đường dẫn đến phát triển tiến tới hợp quy luật của con người trên phương diện tinh thần - tôn giáo.

CHƯƠNG 3

TIỀN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TRIẾT HỌC LỊCH SỬ CỦA A.TOYNBEE

3.1. Tiền đề phương pháp luận của triết học lịch sử của A.Toynbee

Phương pháp luận này căn cứ trên chủ nghĩa duy tâm khách quan mang sắc thái hữu thần luận, tức là luận giải tôn giáo về lịch sử. Ông phê phán xác đáng quan điểm duy tâm chủ quan của R. Collingwood quy giản tiến bộ lịch sử về những biểu hiện ý chí tự do của các cá nhân lịch sử riêng biệt. A.Toynbee cố gắng sử dụng phương pháp duy nghiệm, do vậy tác phẩm của ông có điểm nổi bật là dữ liệu thực tế phong phú, là việc so sánh các dữ liệu và bối cảnh lịch sử cụ thể dường như lặp lại trong điều kiện các nền văn minh khác nhau... Tuy nhiên, tất cả những sự kiện và con số ấy không phải là dữ liệu phát sinh cho khái quát khoa học, mà chỉ là “bằng chứng” cho lược đồ tiên nghiệm về quá trình lịch sử, do vậy lập trường phương pháp luận của A.Toynbee là chủ nghĩa duy nghiệm nguy tạo, bản thân ông cũng cố gắng hạ thấp ý nghĩa của phương pháp khoa học trong triết học lịch sử, phủ định các quy luật khách quan của lịch sử hoặc tốt nhất cũng chỉ ra sự “khúc xạ” của chúng thông qua các nhân tố chủ quan (“vô thức tập thể”), nhận thấy mục đích của triết học lịch sử là xây dựng quan điểm “dự báo” về lịch sử, là giúp đỡ con người thuộc các nền văn minh khác nhau khắc phục sự không hiểu biết lẫn nhau, nỗi sợ hãi và thù địch.

3.2. Lý luận về văn minh khu vực trong triết học lịch sử của A.Toynbee

3.2.1. Khái niệm “văn minh khu vực” - “tế bào” của tiến trình lịch sử và của nhận thức lịch sử

Ông hiểu văn minh là cộng đồng người ổn định, được hợp nhất trước hết bởi các truyền thống tinh thần và khuôn khổ địa lý. Xét từ góc độ kinh tế và chính trị, xã hội ngày càng tiếp nhận tính chất toàn cầu. “Văn minh khu vực” là một bộ phận xác định của trái đất, trên đó một cộng đồng người sinh sống, được phân biệt với các cộng đồng người khác theo lịch sử hình thành, tôn giáo, sắc tộc, các truyền thống, tổ chức sinh hoạt, lễ nghi, tâm tính, lối sống, các giá trị... Các nền văn minh khu vực đã xuất hiện, phát triển và diệt vong hay vẫn đang tồn tại, hoặc là trở thành cơ sở cho các nền văn minh khu vực khác.

3.2.2. Lý luận về vận động lịch sử văn minh khu vực

3.2.2.1. Quan niệm của A.Toynbee về động lực của lịch sử các nền văn minh khu vực

Theo A.Toynbee, phát triển của xã hội gắn liền với tác động của cơ chế “Thách thức - và - Ứng phó”, của “Thách thức - và - Ứng phó” mới... “Ứng phó” một “Thách thức” nào đó được thực hiện thông qua nhân tố tâm lý, mà chính là “khí thế sống” bộc lộ ra trong hoạt động của thiểu số sáng tạo.

Về mặt lịch đại, vận động của các nền văn minh khu vực trải qua các giai đoạn hình thành, phát triển, suy tàn, tan rã cùng với những hiện tượng phụ đi liền với chúng.

3.2.2.2. Quan niệm của A.Toynbee về động lực và cơ chế vận động của các nền văn minh khu vực

(1). Hình thành của văn minh khu vực

Xét từ góc độ hình thành, văn minh khu vực được phân chia ra thành 2 nhóm: đa số chúng là văn minh “con đẻ”, phát sinh từ các văn minh tồn tại trước, còn số ít trực tiếp xuất hiện trong lòng xã hội sơ khai.

Theo A.Toynbee, các nền văn minh khu vực xuất hiện từ xã hội nguyên thủy do “ứng phó” thành công đối với “thách thức” bắt nguồn từ bối cảnh đặc biệt phức tạp, thúc giục con người phải thực hiện chiến tích chưa từng thấy.

(2). Phát triển của văn minh khu vực

Theo A.Toynbee, phát triển của các nền văn minh khu vực đã ra đời diễn ra trong trường hợp “ứng phó” của xã hội đối với “thách thức” đặc thù không đơn giản thành công, mà còn kích thích “thách thức” tiếp theo mà nó một lần nữa lại “ứng phó” thành công...

A.Toynbee xác định bản chất của sự phát triển đích thực của văn minh là “tiến bộ theo phương hướng tự quyết”, hay cái gọi là “ete hóa”.

(3). Suy tàn của văn minh khu vực

Theo A.Toynbee, giai đoạn phát triển hạnh phúc và tươi sáng của mỗi nền văn minh khu vực kéo dài không lâu. Giai đoạn “đổ vỡ” (suy tàn) ngay lập tức bắt đầu, không mang tính định mệnh, song tất cả các văn minh khu vực đều trải qua “đổ vỡ”, ngoại trừ văn minh Kitô giáo phương Tây. “Đổ vỡ” có ba đặc trưng sau đây: 1) thiếu hụt lực lượng sáng tạo ở “thiểu số sáng tạo” đang chuyển hóa thành “thiểu số thống trị”; 2) chấm dứt thái độ trung thành và bất chước thiểu số ấy từ phía đa số; 3) đánh mất sự thống nhất về mặt xã hội trong toàn thể xã hội.

(4). Tan rã của văn minh khu vực

Theo A.Toynbee, hậu quả của “suy tàn” và cũng là giai đoạn tiến hóa cuối cùng của văn minh là tan rã hay phân rã dẫn tới diệt vong của nó. Ông đưa ra một sự chính lý rất căn bản rằng, tan rã và diệt vong của văn minh không nhất thiết phải nối tiếp suy thoái của nó. Văn minh có thể được bảo tồn lâu dài trong trạng thái “hóa đá”.

A.Toynbee quan niệm tiêu chí cơ bản về tan rã của văn minh là chia rẽ xã hội ra thành ba phe phái: 1) thiểu số thống trị, 2) vô sản bên trong và 3) vô sản bên ngoài.

3.3. Tư tưởng của A.Toynbee về tương tác giữa các nền văn minh khu vực và tương lai của loài người

3.3.1. Tương tác giữa các nền văn minh khu vực cùng tồn tại

Đây thực chất là cách thức A.Toynbee luận giải vấn đề về con đường giải quyết những vấn đề lịch sử toàn cầu cơ bản của loài người. Ông chủ yếu quan tâm đến quan hệ qua lại giữa phương Tây tư bản chủ nghĩa với các nền văn minh khu vực khác, đặc biệt là với văn minh Nga. Ông coi quan hệ này là ngay từ đầu đã là tất yếu và thù địch. Tiếp theo, ông xem xét quan hệ qua lại giữa “phương Tây hiện đại với thế giới Ấn giáo, thế giới Hồi giáo và văn minh phương Đông”, theo đó thì các dân tộc này nhằm phải “tinh thần của chủ nghĩa dân tộc” và vay mượn thiết chế “nhà nước dân tộc” của phương Tây dường như đặc biệt hữu ích chỉ trong điều kiện phương Tây, do vậy các quốc gia dân tộc non trẻ trở nên hỗn loạn. Do vậy, các dân tộc phương Đông cần dựa trên sự giúp đỡ của phương Tây và các khuôn mẫu chính trị phương Tây.

3.3.2. Con đường giải quyết các vấn đề cơ bản của loài người toàn cầu hiện đại

Đứng trên quan niệm duy tâm về lịch sử và cách tiếp cận văn minh, A.Toynbee vạch ra hàng loạt vấn đề sống còn của loài người hiện đại và chỉ ra con đường giải quyết chúng.

Đó là tạo dựng xã hội loài người hài hòa như một thể thống nhất trong đa dạng và mâu thuẫn nội tại nhờ thực hiện chính sách tích cực hội nhập và tham gia vào toàn cầu hóa. A.Toynbee cố gắng phác họa con đường giải quyết tích cực vấn đề đạt tới hài hòa xã hội. Ông dịch chuyển cuộc đấu giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội từ lĩnh vực kinh tế - xã hội sang lĩnh vực tôn giáo. Còn ở bên trong mỗi xã hội, ông muốn tìm ra con đường trung gian kết hợp kinh doanh tư nhân với can thiệp của nhà nước vì công bằng xã hội, đạt tới bác ái phổ biến dựa trên cơ sở tôn giáo.

3.4. Quan điểm tôn giáo về tiến bộ

Đây chính là vấn đề vai trò của “nhà nước toàn cầu” và “giáo hội toàn cầu” như ngưỡng cửa của phát triển tiếp theo của loài người trên phương diện tôn giáo theo tinh thần “khí thể sống” của Bergson. A.Toynbee xem giáo hội là loại hình xã hội cấp cao hơn so với văn minh. Nói cách khác, ông xét lại bản thân mục đích tồn tại của văn minh, không phải văn minh, mà thánh thiêng trở thành mục đích của những nỗ lực con người. Như vậy, nếu lịch sử loài người xét từ góc độ phát triển văn minh, có thể được đánh đồng với vòng tuần hoàn, thì lịch sử xét từ góc độ tôn giáo và giáo hội phát triển theo con đường tiến tới. Nhà nước toàn cầu không còn là giai đoạn tối hậu của “phân rã văn minh”, mà còn là phương tiện bảo đảm phát triển của “tôn giáo cấp cao”. Như vậy, giáo hội là “hình thái xã hội mới”, còn các nền văn minh khu vực đơn giản là “khúc mở đầu” tồn tại trước tôn giáo cấp cao.

Tiểu kết chương 3

Mặc dù các nội dung trong triết học lịch sử của A.Toynbee là rất phong phú, song luận án khái quát chúng thành bốn nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất là tiền đề phương pháp luận của triết học lịch sử của A.Toynbee. Phương pháp luận này căn cứ trên chủ nghĩa duy tâm khách quan mang sắc thái hữu thần luận, tức là luận giải tôn giáo về lịch sử. Ông phê phán xác đáng quan điểm duy tâm chủ quan của R. Collingwood quy giản tiến bộ lịch sử về những biểu hiện ý chí tự do của các cá nhân lịch sử riêng biệt. A.Toynbee cố gắng sử dụng phương pháp duy nghiệm, do vậy tác phẩm của ông có điểm nổi bật là dữ liệu thực tế phong phú, là việc so sánh các dữ liệu và bối cảnh lịch sử cụ thể dường như lặp lại trong điều kiện các nền văn minh khác nhau... Tuy nhiên, tất cả những sự kiện và con số ấy không phải là dữ liệu phát sinh cho khái quát khoa học, mà chỉ là “bằng chứng” cho lược đồ tiên nghiệm về quá trình lịch sử, do vậy lập trường phương pháp luận của A.Toynbee là chủ nghĩa duy nghiệm nguy tạo, bản thân ông cũng cố gắng hạ thấp ý nghĩa của phương pháp khoa học trong triết học lịch sử, phủ định các quy luật khách quan của lịch sử hoặc tốt nhất cũng chỉ ra sự “khúc xạ” của chúng thông qua các nhân tố chủ quan (“vô thức tập thể”), nhận thấy mục đích của triết học lịch sử là xây dựng quan điểm “dự báo” về lịch sử, là giúp đỡ con người thuộc các nền văn minh khác nhau khắc phục sự không hiểu biết lẫn nhau, nỗi sợ hãi và thù địch.

Thứ hai là lý luận về văn minh khu vực. Theo A.Toynbee, văn minh khu vực là “tế bào”, “đơn tử” của tiến trình lịch sử và của nhận thức lịch sử. Ông

hiếu văn minh là cộng đồng người ổn định, được hợp nhất trước hết bởi các truyền thống tinh thần và khuôn khổ địa lý. Xét từ góc độ kinh tế và chính trị, xã hội ngày càng tiếp nhận tính chất toàn cầu. “Văn minh khu vực” là một bộ phận xác định của trái đất, trên đó một cộng đồng người sinh sống, được phân biệt với các cộng đồng người khác theo lịch sử hình thành, tôn giáo, sắc tộc, các truyền thống, tổ chức sinh hoạt, lễ nghi, tâm tính, lối sống, các giá trị... Các nền văn minh khu vực đã xuất hiện, phát triển và diệt vong hay vẫn đang tồn tại, hoặc là trở thành cơ sở (“con nòng”) cho các nền văn minh khu vực khác.

Về vận động lịch sử của văn minh khu vực, tức là động lực phát triển lịch sử của loài người cấu thành từ những nền văn minh khu vực riêng biệt trên các giai đoạn khác nhau, A.Toynbee khẳng định vai trò của cá nhân sáng tạo, hoặc của thiểu số sáng tạo thông qua “tự do lựa chọn” trong khuôn khổ “kế hoạch thiên hựu” chung về lịch sử. Cơ chế phát triển ở đây là tương tác giữa “Thách thức” và “Ứng phó” lịch sử, thiểu số sáng tạo phát ra ngoài năng lượng của “khí thế sống”, kéo theo mình “đa số thụ động”. Về mặt lịch đại, vận động của các nền văn minh khu vực trải qua các giai đoạn hình thành, phát triển, suy tàn, tan rã cùng với những hiện tượng phụ đi liền với chúng.

Thứ ba là tương tác giữa các nền văn minh khu vực và tương lai của loài người. Đây thực chất là cách thức A.Toynbee luận giải vấn đề về con đường giải quyết những vấn đề lịch sử toàn cầu cơ bản của loài người. Ông chủ yếu quan tâm đến quan hệ qua lại giữa phương Tây tư bản chủ nghĩa với các nền văn minh khu vực khác, đặc biệt là với văn minh Nga. Ông coi quan hệ này là ngay từ đầu đã là tất yếu và thù địch. Tiếp theo, ông xem xét quan hệ qua lại giữa “phương Tây hiện đại với thế giới Ấn giáo, thế giới Hồi giáo và văn minh phương Đông”, theo đó thì các dân tộc này nhằm phải “tinh thần của chủ nghĩa dân tộc” và vay mượn thiết chế “nhà nước dân tộc” của phương Tây dường như đặc biệt hữu ích chỉ trong điều kiện phương Tây, do vậy các quốc gia dân tộc non trẻ trở nên hỗn loạn. Do vậy, các dân tộc phương Đông cần dựa trên sự giúp đỡ của phương Tây và các khuôn mẫu chính trị phương Tây.

A.Toynbee chỉ ra con đường giải quyết các vấn đề cơ bản của loài người toàn cầu hiện đại. Đó là tạo dựng xã hội loài người hài hòa như một thể thống nhất trong đa dạng và mâu thuẫn nội tại nhờ thực hiện chính sách tích cực hội nhập và tham gia vào toàn cầu hóa. A.Toynbee cố gắng phác họa con đường giải quyết tích cực vấn đề đạt tới hài hòa xã hội. Ông dịch chuyển cuộc đấu giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội từ lĩnh vực kinh tế - xã hội sang lĩnh vực tôn giáo. Còn ở bên trong mỗi xã hội, ông muốn tìm ra con đường

trung gian kết hợp kinh doanh tư nhân với can thiệp của nhà nước vì công bằng xã hội, đạt tới bác ái phổ biến dựa trên cơ sở tôn giáo.

Thứ tư là quan điểm của A.Toynbee về tiến bộ, tức là vấn đề vai trò của “nhà nước toàn cầu” và “giáo hội toàn cầu” như ngưỡng cửa của phát triển tiếp theo của loài người trên phương diện tôn giáo theo tinh thần “khí thể sống” của Bergson. A.Toynbee xem giáo hội là loại hình xã hội cấp cao hơn so với văn minh. Nói cách khác, ông xét lại bản thân mục đích tồn tại của văn minh, không phải văn minh, mà thánh thiêng trở thành mục đích của những nỗ lực con người. Như vậy, nếu lịch sử loài người xét từ góc độ phát triển văn minh, có thể được đánh đồng với vòng tuần hoàn, thì lịch sử xét từ góc độ tôn giáo và giáo hội phát triển theo con đường tiến tới. Nhà nước toàn cầu không còn là giai đoạn tối hậu của “phân rã văn minh”, mà còn là phương tiện bảo đảm phát triển của “tôn giáo cấp cao”. Như vậy, giáo hội là “hình thái xã hội mới”, còn các nền văn minh khu vực đơn giản là “khúc mở đầu” tồn tại trước tôn giáo cấp cao.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC LỊCH SỬ CỦA A.TOYNBEE

4.1. Triết học lịch sử của A.Toynbee trong nhãn quan của các nhà triết học phương Tây hiện đại

Điểm chung của tất cả những đánh giá đó là việc thừa nhận ảnh hưởng to lớn của nó đến tư tưởng triết học lịch sử nói riêng và tư tưởng xã hội nhân văn nói chung ở phương Tây, tác giả của nó được so sánh với các nhà tư tưởng vĩ đại như Aristotle, Kopernik, Galilée, Newton, Darwin, phương pháp nghiên cứu lịch sử ông đưa ra dường như chấm dứt tư tưởng về phát triển tiến tới liên tục của lịch sử, được so sánh với phát minh ra cơ học lượng tử. Đóng góp quan trọng của A.Toynbee là biết cách “chèo lái con tàu sáng tạo” của mình giữa hai thái cực - chủ nghĩa duy khoa học và chủ nghĩa phản duy khoa học như hai định hướng thế giới quan và nhận thức luận cơ bản trong nghiên cứu triết học, nỗ lực thoát ra khỏi tình cảnh bị cầm tù bởi chủ nghĩa duy lý mang sắc thái duy khoa học, đánh đồng tư duy triết học và tư duy triết học lịch sử với tư duy khoa học tự nhiên như tư duy có khả năng thấu hiểu đến tận gốc hiện thực xã hội, văn hóa và con người. Một đóng góp trọng khác của A.Toynbee là tuyên bố dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa châu Âu trung tâm và chủ nghĩa Kitô giáo trung tâm, thừa nhận vai trò bình đẳng của tất cả các văn minh và tôn giáo, không chấp nhận các giáo điều tôn giáo và

liên tục nhấn mạnh ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đơn giản của loài người, chủ nghĩa nhân văn và các lợi ích chung của loài người, phê phán chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, có niềm tin nhất định vào tiến bộ, hy vọng đặt vào những khả năng vô hạn cho hoàn thiện tinh thần của loài người. Mặc dù đồng tình với định hướng chống lại quan niệm duy vật về lịch sử của A.Toynbee, song không phải tất cả các nhà triết học phương Tây đều nhất trí với lý luận về các “nền văn minh khu vực” của A.Toynbee. Sự phê phán toàn diện nhất đối với lý luận ấy được A.Sorokin (1889-1968) đưa ra trong các tác phẩm của mình. Theo A.Sorokin, lược đồ chung trong lý luận về phát triển và suy thoái của các nền văn minh có nhiều điểm đáng hoài nghi, mang tính tư biện thuần túy.

4.2. Những đóng góp và hạn chế trong triết học lịch sử của A.Toynbee

4.2.1. Về phương pháp luận của triết học lịch sử của A.Toynbee

Về mặt phương pháp luận, triết học lịch sử của A.Toynbee có những đóng góp nhất định là đấu tranh chống lại tính chất tư biện của triết học duy lý cực đoan nói chung và triết học lịch sử duy lý nói chung, nhận thấy biện chứng của cái chung và cái riêng trong sử học, nhận thấy vai trò đặc biệt của cái riêng; ý nghĩa của việc kết hợp phương pháp nghệ thuật với phương pháp khoa học trong triết học lịch sử; đặt ra và phân tích vấn đề về tính quy luật và tính độc đáo trong lịch sử, về tiên đoán xã hội, chống lại các biến thể tầm thường hóa chủ nghĩa Mác.

Song, A.Toynbee có những hạn chế mang tính nguyên tắc là không ý thức cần phải nghiên cứu thần thoại bằng các phương pháp khoa học, chứ không nên khước từ khoa học một cách có lợi cho thần thoại, hạ thấp khả năng của phương pháp khoa học trong triết học lịch sử; không hiểu tác động mang tính quy định toàn bộ tiến trình lịch sử của các quy luật lịch sử; luận giải các quy luật trong lịch sử một cách chủ quan và phi duy lý.

4.2.2. Về khái niệm “văn minh khu vực”

Đóng góp của A.Toynbee là đưa ra quan niệm xác đáng về văn minh khu vực; chỉ ra cấu trúc và cơ chế vận động của các nền văn minh khu vực với tư cách là các hệ thống xã hội lớn, hình thành dựa trên một hạt nhân trung tâm cấu thành từ các nội dung, giá trị và chuẩn tắc văn hóa; tách biệt một số đặc điểm chung và bước ngoặt về số phận của các nền văn minh khu vực trên các giai đoạn lịch sử lớn của xã hội; sử dụng khái niệm “văn minh khu vực” để phản ánh sự tồn tại hiện thực của các truyền thống tương đối ổn định, đặc thù trong lĩnh vực đời sống tinh thần đã hình thành trên các lãnh thổ địa lý giáp

ranh và được bảo tồn trong suốt giai đoạn lịch sử kéo dài; vạch rõ các nhân tố quy định sự tương tác giữa các nền văn minh khu vực.

Song, triết học lịch sử của A.Toynbee mắc phải các hạn chế mang tính nguyên tắc là sử dụng cơ sở để phân loại các nền văn minh khu vực là các đặc điểm sinh hoạt tinh thần; văn minh khu vực là tập hợp những hiện tượng và khách thể văn hóa không liên hệ nhân quả hay bản chất với nhau, do vậy không phải là các loại hình xã hội; chủ nghĩa tương đối và chủ nghĩa bất khả tri lịch sử dựa trên việc tuyệt đối hóa tính gián đoạn của tiến trình lịch sử; tuyệt đối hóa cái riêng và coi nhẹ cái chung trong lịch sử loài người.

4.2.3. Về vận động lịch sử của văn minh khu vực

A.Toynbee có các đóng góp quan trọng là phân tích sự ra đời của các nền văn minh phát sinh, hiểu rõ và nhấn mạnh tính chất nhảy vọt của quá trình ra đời văn minh; chỉ rõ bước ngoặt quan trọng này trong phát triển lịch sử của xã hội loài người; đưa ra quan niệm xác đáng ghi lại thế giới tinh thần đa dạng và phức tạp của con người; chỉ ra mối liên hệ đa nghĩa giữa biến động của các nền văn minh khu vực và văn minh thế giới; không chấp nhận luận điểm duy vật lịch sử về tiến bộ như cơ sở cho quan niệm về tiến bộ; chủ nghĩa tương đối về tiến bộ xã hội; trung thành đối với lập trường duy tâm về phát triển xã hội; suy lý về “vô sản bên trong” không tường minh về nội dung.

4.2.4. Về tương tác giữa các nền văn minh khu vực

A.Toynbee có đóng góp quan trọng là xác định rõ mục đích của loài người thống nhất dựa trên một nền tảng nhân văn là những giá trị tinh thần chung nhận loại.

Song, A.Toynbee mắc phải hạn chế trong quan niệm của ông về tương lai của loài người, quan niệm sai về chủ nghĩa cộng sản, về sự hình thành các quốc gia dân tộc non trẻ, tuân thủ quan điểm “chủ nghĩa phương Tây trung tâm”, giải pháp không tương dành cho những vấn đề toàn cầu.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 được dành cho việc đánh giá triết học lịch sử của A.Toynbee. Để đạt tới mục đích này, trước hết nghiên cứu sinh khái quát đánh giá của các nhà triết học phương Tây hiện đại về triết học lịch sử của A.Toynbee. Điểm chung của tất cả những đánh giá đó là việc thừa nhận ảnh hưởng to lớn của nó đến tư tưởng triết học lịch sử nói riêng và tư tưởng xã hội nhân văn nói chung ở phương Tây, tác giả của nó được so sánh với các nhà tư tưởng vĩ đại như Aristotle, Kopernik, Galilée, Newton, Darwin, phương pháp nghiên cứu lịch sử ông đưa ra dường như chấm dứt tư tưởng về phát triển tiến tới

liên tục của lịch sử, được so sánh với phát minh ra cơ học lượng tử. Đóng góp quan trọng của A.Toynbee là biết cách “chèo lái con tàu sáng tạo” của mình giữa hai thái cực - chủ nghĩa duy khoa học và chủ nghĩa phản duy khoa học như hai định hướng thế giới quan và nhận thức luận cơ bản trong nghiên cứu triết học, nỗ lực thoát ra khỏi tình cảnh bị cầm tù bởi chủ nghĩa duy lý mang sắc thái duy khoa học, đánh đồng tư duy triết học và tư duy triết học lịch sử với tư duy khoa học tự nhiên như tư duy có khả năng thấu hiểu đến tận gốc hiện thực xã hội, văn hóa và con người. Một đóng góp trọng khác của A.Toynbee là tuyên bố dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa châu Âu trung tâm và chủ nghĩa Kitô giáo trung tâm, thừa nhận vai trò bình đẳng của tất cả các văn minh và tôn giáo, không chấp nhận các giáo điều tôn giáo và liên tục nhấn mạnh ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đơn giản của loài người, chủ nghĩa nhân văn và các lợi ích chung của loài người, phê phán chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, có niềm tin nhất định vào tiến bộ, hy vọng đặt vào những khả năng vô hạn cho hoàn thiện tinh thần của loài người. Mặc dù đồng tình với định hướng chống lại quan niệm duy vật về lịch sử của A.Toynbee, song không phải tất cả các nhà triết học phương Tây đều nhất trí với lý luận về các “nền văn minh khu vực” của A.Toynbee. Sự phê phán toàn diện nhất đối với lý luận ấy được A.Sorokin (1889-1968) đưa ra trong các tác phẩm của mình. Theo A.Sorokin, lược đồ chung trong lý luận về phát triển và suy thoái của các nền văn minh có nhiều điểm đáng hoài nghi, mang tính tư biện thuần túy.

Tiếp theo, nghiên cứu sinh trình bày những đóng góp và hạn chế trong triết học lịch sử của A.Toynbee. Về mặt phương pháp luận, triết học lịch sử của A.Toynbee có những đóng góp nhất định là đấu tranh chống lại tính chất tư biện của triết học duy lý cực đoan nói chung và triết học lịch sử duy lý nói chung, nhận thấy biện chứng của cái chung và cái riêng trong sử học, nhận thấy vai trò đặc biệt của cái riêng; ý nghĩa của việc kết hợp phương pháp nghệ thuật với phương pháp khoa học trong triết học lịch sử; đặt ra và phân tích vấn đề về tính quy luật và tính độc đáo trong lịch sử, về tiên đoán xã hội, chống lại các biến thể tầm thường hóa chủ nghĩa Mác. Song A.Toynbee có những hạn chế mang tính nguyên tắc là không ý thức cần phải nghiên cứu thần thoại bằng các phương pháp khoa học, chứ không nên khước từ khoa học một cách có lợi cho thần thoại, hạ thấp khả năng của phương pháp khoa học trong triết học lịch sử; không hiểu tác động mang tính quy định

toàn bộ tiến trình lịch sử của các quy luật lịch sử; luận giải các quy luật trong lịch sử một cách chủ quan và phi duy lý.

Về khái niệm “văn minh khu vực”, đóng góp của A.Toynbee là đưa ra quan niệm xác đáng về văn minh khu vực; chỉ ra cấu trúc và cơ chế vận động của các nền văn minh khu vực với tư cách là các hệ thống xã hội lớn, hình thành dựa trên một hạt nhân trung tâm cấu thành từ các nội dung, giá trị và chuẩn tắc văn hóa; tách biệt một số đặc điểm chung và bước ngoặt về số phận của các nền văn minh khu vực trên các giai đoạn lịch sử lớn của xã hội; sử dụng khái niệm “văn minh khu vực” để phản ánh sự tồn tại hiện thực của các truyền thống tương đối ổn định, đặc thù trong lĩnh vực đời sống tinh thần đã hình thành trên các lãnh thổ địa lý giáp ranh và được bảo tồn trong suốt giai đoạn lịch sử kéo dài; vạch rõ các nhân tố quy định sự tương tác giữa các nền văn minh khu vực. Song, triết học lịch sử của A.Toynbee mắc phải các hạn chế mang tính nguyên tắc là sử dụng cơ sở để phân loại các nền văn minh khu vực là các đặc điểm sinh hoạt tinh thần; văn minh khu vực là tập hợp những hiện tượng và khách thể văn hóa không liên hệ nhân quả hay bản chất với nhau, do vậy không phải là các loại hình xã hội; chủ nghĩa tương đối và chủ nghĩa bất khả tri lịch sử dựa trên việc tuyệt đối hóa tính gián đoạn của tiến trình lịch sử; tuyệt đối hóa cái riêng và coi nhẹ cái chung trong lịch sử loài người.

Về vận động lịch sử của văn minh khu vực, A.Toynbee có các đóng góp quan trọng là phân tích sự ra đời của các nền văn minh phát sinh, hiểu rõ và nhấn mạnh tính chất nhảy vọt của quá trình ra đời văn minh; chỉ rõ bước ngoặt quan trọng này trong phát triển lịch sử của xã hội loài người; đưa ra quan niệm xác đáng ghi lại thế giới tinh thần đa dạng và phức tạp của con người; chỉ ra mối liên hệ đa nghĩa giữa biến động của các nền văn minh khu vực và văn minh thế giới; không chấp nhận luận điểm duy vật lịch sử về tiến bộ như cơ sở cho quan niệm về tiến bộ; chủ nghĩa tương đối về tiến bộ xã hội; trung thành đối với lập trường duy tâm về phát triển xã hội; suy lý về “vô sản bên trong” không tường minh về nội dung.

Về tương tác giữa các nền văn minh khu vực, A.Toynbee có đóng góp quan trọng là xác định rõ mục đích của loài người thống nhất dựa trên một nền tảng nhân văn là những giá trị tinh thần chung nhận loại. Song, A.Toynbee mắc phải hạn chế trong quan niệm của ông về tương lai của loài người, quan niệm sai về chủ nghĩa cộng sản, về sự hình thành các quốc gia dân tộc non trẻ, tuân thủ quan điểm “chủ nghĩa phương Tây trung tâm”, giải pháp không tưởng dành cho những vấn đề toàn cầu.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang chứng kiến sự ra đời của một thời đại lịch sử mới - “hậu hiện đại”, “hậu văn minh”, “hậu công nghiệp”... Chính những thành tựu văn minh phương Tây hiện đại trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ và quản lý xã hội làm thay đổi căn bản lĩnh vực đối tượng của hoạt động sống con người (bước chuyển từ các khu vực thứ nhất và thứ hai sang các khu vực thứ ba, thứ tư, thứ năm ... của kinh tế, “kinh tế tri thức”...). Vấn đề xây dựng và phát triển “xã hội văn minh” của các dân tộc đang hiện đại hóa xã hội, tức là chuyển từ xã hội truyền thống (phong kiến và tiền phong kiến, nông nghiệp) lên xã hội hiện đại (công nghiệp), càng trở nên phức tạp hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa theo tinh thần của chủ nghĩa tân tự do và bước chuyển lên xã hội hậu hiện đại bắt đầu diễn ra ở hàng loạt quốc gia phát triển. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng ta nhận định: “Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, *chủ nghĩa cường quyền áp đặt*, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế”. Chính thực tế này đòi hỏi giới lý luận, đầu tiên là giới triết học lịch sử, phải xác định rõ nội hàm của khái niệm “văn minh” như tiền đề lý luận để hoạch định chiến lược xây dựng “xã hội văn minh” nhờ tiếp thu những thành tựu “văn minh” phương Tây. Trong bối cảnh đó, Đảng ta chỉ rõ nhiệm vụ của giới lý luận hiện nay là: “Tiếp tục đi sâu nghiên cứu về bản chất, đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, làm rõ tính chất, đặc điểm mới của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nghiên cứu tình hình thế giới và khu vực, cục diện, quan hệ giữa các nước lớn, các nước láng giềng và tương quan các lực lượng trên thế giới, những biến động về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng trong khu vực và thế giới... Tăng cường nghiên cứu dự báo tình hình”.

Đề tài về văn minh và man rợ luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc không chỉ của các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực các khoa học xã hội và nhân văn, mà còn của toàn thể xã hội, của tất cả mọi người, không chỉ ở thời hiện đại, mà còn ở tất cả mọi thời đại, tất nhiên là cả trong tương lai, đơn giản vì đây là những dấu chỉ về nhân tính và nhân cách của con người “đập thẳng” vào mắt chúng ta, trực tiếp bộc lộ ra trong giao tiếp của chúng ta, chi phối thái độ của chúng ta đối với tha nhân và thế giới bao quanh chúng ta. Chính vì vậy mà bên cạnh các cách tiếp cận khác, cách tiếp cận văn minh với lịch sử xã hội loài người đóng vai trò “hệ chuẩn” phương pháp luận quan trọng hàng đầu. Ở nước ta, cách tiếp cận này lại càng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp

bách, vì nó chưa được nghiên cứu thỏa đáng trên phương diện triết học xã hội và điều quan trọng hơn nhiều là nó chưa được áp dụng để luận giải những vấn đề thực tiễn xã hội nóng bỏng nhằm xây dựng xã hội và con người văn minh như mục tiêu to lớn của vận động lịch sử xã hội Việt Nam.

Vốn ra đời trong điều kiện khủng hoảng của văn minh tư sản đi liền với chiến tranh, xung đột và nội chiến phổ biến rộng rãi trong xã hội hiện đại, triết học lịch sử của A.Toynbee đã tiếp nối triết học duy tâm phi duy lý về lịch sử và lý luận chu kỳ về văn minh nhằm đưa ra một luận giải mới, một cách tiếp cận mới là cách tiếp cận văn minh với vận động lịch sử của nhân loại và dự báo tương lai của nó trong bối cảnh xuất hiện những vấn đề toàn cầu ngày càng trở nên gay gắt. Nói cách khác, sự quan tâm sâu rộng đến triết học lịch sử bắt nguồn từ chỗ ông đặt ra những vấn đề về lịch sử, về thời hiện đại và tương lai sắp tới của nhân loại, đưa ra giải pháp có hạt nhân hợp lý ở chừng mực nhất định. Ông đặc biệt quan tâm đến các “điểm nóng” và những vấn đề cấp bách của thế giới hiện đại, bộc lộ tinh thần nhân văn, chống đế quốc, chống bành trướng.

Trong triết học lịch sử của mình, A.Toynbee đã áp dụng triệt để cách tiếp cận văn minh để luận giải tiến trình lịch sử của loài người từ khi xuất hiện cho tới nay và để đưa ra dự báo về triển vọng của loài người thống nhất, hòa bình và thịnh vượng. Ông xuất phát từ khái niệm về văn minh khu vực như tổng thể những giá trị tinh thần của cư dân sinh sống trên một khuôn khổ địa lý cụ thể. Mỗi văn minh khu vực đều được xác định là văn minh phát sinh hay văn minh phái sinh một cách tùy thuộc vào hệ giá trị nội sinh hay ngoại sinh. Sự nội sinh của nó do cá nhân sáng tạo hay thiếu số sáng tạo quyết định. Ngược lại, sự ngoại sinh của nó do tác động của ngoại quốc thông qua cơ chế “Thách thức - ứng phó” quyết định. Quan niệm này về lịch sử dân tộc và lịch sử toàn cầu được nhiều dữ liệu lịch sử thực định, mặc dù nó chưa thể giải thích đến cùng những nguyên nhân sâu xa và căn bản của quá trình này là do những nhân tố kinh tế quy định, tức là nó bỏ qua quan niệm duy vật về lịch sử.

Theo A.Toynbee, chính các văn minh khu vực và tương tác giữa chúng đóng vai trò các chủ thể đích thực của vận động lịch sử chung nhân loại. Ông đã nhận thấy và làm sáng tỏ quá trình tương tác này ở thời hiện đại. Ở đây, mặc dù thừa nhận sự độc đáo và tự chủ của các nền văn minh khu vực, bảo vệ sự bình quyền và tự do lựa chọn lịch sử của chúng, song A.Toynbee vẫn có thiện cảm với chủ nghĩa phương Tây trung tâm khi ông dự báo triển vọng tương tác giữa các văn minh khu vực. Ở bên trong mỗi văn minh khu vực,

A.Toynbee rõ ràng đã giữ lập trường “trung dung” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản khi khẳng định sự cần thiết của tự do và bình đẳng trên cơ sở các giá trị tinh thần, chủ yếu là các giá trị tôn giáo.

Trong bối cảnh xuất hiện những vấn đề toàn cầu gay gắt, đe dọa sự tồn vong của loài người, khác với trường phái nhân học triết học phủ định ý nghĩa của những giá trị chung nhân loại và vai trò hợp nhất của chúng đối với số phận của các dân tộc, triết học lịch sử của A.Toynbee đưa ra quan điểm nhân văn về tồn tại lịch sử thắm nhuần lợi ích chung của loài người và trách nhiệm xã hội của con người. A.Toynbee nhất quyết ủng hộ chính sách “cùng tồn tại hòa bình” được V.I.Lênin đưa ra và hợp tác giữa các dân tộc vì tiến bộ lịch sử nhân loại. Đây là đóng góp quý báu và ý nghĩa tiến bộ của triết học lịch sử của A.Toynbee.

Triết học lịch sử của A.Toynbee lại càng có ý nghĩa cấp bách chính trong thực tế là hệ vấn đề văn minh một thời gian dài đã bị chúng ta đẩy ra ngoài rìa triết học xã hội, cách tiếp cận văn minh dường như vắng mặt ở đây. Trong khi đó, chính cách tiếp cận văn minh có nhiệm vụ đặt lên hàng đầu nguyên tắc thống nhất, toàn vẹn của loài người và giải quyết những xung đột xã hội và những xung đột toàn cầu theo con đường hòa bình. Điều này trở nên đặc biệt thời sự trong bối cảnh xuất hiện những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của nhân loại ở nửa sau thế kỷ XX, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội và có tác động đến số phận của mỗi quốc gia và của toàn thể nhân loại. Trong bối cảnh đó, các phương diện văn minh chứng tỏ ý nghĩa quan trọng hàng đầu của mình trong việc tạo dựng và củng cố sự hợp tác văn minh, sự kế thừa văn minh và sự toàn vẹn văn minh của nhân loại. Với triết học lịch sử của chúng ta, thì bước ngoặt quay lại với hệ vấn đề văn minh sẽ là một việc làm đáng làm và đáng chờ đợi, vì nó không chỉ trở thành đòn bẩy cho phát triển triết học lịch sử, triết học văn hóa, mà còn trực tiếp gắn liền triết học, những người làm triết học với thực tiễn xã hội - xây dựng “xã hội văn minh”. Nó cũng sẽ góp phần loại bỏ nhiều khuôn mẫu lý luận chủ trương nào trạng “độc đầu”, “biệt lập” với những tinh hoa văn hóa triết học chung nhân loại, kìm hãm việc sử dụng và phát triển tiềm năng nghiên cứu đã được tích lũy trong bản thân di sản tư duy văn minh học Việt, như Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh...

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Bùi Xuân Hoá (2023), “*Văn minh khu vực theo quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee*”, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, chuyên đề số 1, tr. 68-70, ISSN: 1859-1485.
2. Bùi Xuân Hoá (2023), “*Quan điểm triết học lịch sử của A.Toynbee về tương tác giữa các nền văn minh khu vực*”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, ngày 05/9/2023. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/5223-quan-diem-triet-hoc-lich-su-cua-atoyndee-ve-tuong-tac-giua-cac-nen-van-minh-khu-vuc.html>
3. Bùi Xuân Hoá (2023), “*Khái niệm “văn minh” và ý nghĩa của cách tiếp cận văn minh*”, Tạp chí Nghiên cứu Triết học, tr. 57-69, ISSN: 2734-990X